

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT.521/28.03.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Knauf Việt Nam
- Địa chỉ : Khu đất CN 4.4A, KCN Đình Vũ thuộc KTT Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Khu đất CN 4.4A, KCN Đình Vũ thuộc KTT Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 06
- Ngày lấy mẫu : 19/03/2025 và 20/03/2025
- Thời gian phân tích : 19/03/2025 đến ngày 28/03/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích						QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 2	8.833	2.831	32.173	11.298	7.340	8.079	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA method 5	23	23	25	20	19	22	96

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + KT1: Khí thải tại ống phóng không của hệ thống xử lý bụi khu vực phễu tiếp nhận. Tọa độ: X(m)=2303272; Y(m)=606069.
- + KT2: Khí thải tại ống phóng không của hệ thống xử lý bụi khu vực băng tải, cân vành đai và silo thạch cao thô. Tọa độ: X(m)=2303255; Y(m)=606020.
- + KT3: Khí thải tại ống phóng không của hệ thống xử lý bụi khu vực lò nung. Tọa độ: X(m)=2303241; Y(m)=606028.
- + KT4: Khí thải tại ống phóng không của hệ thống xử lý bụi khu vực vít tải, ống quay làm mát, silo thạch cao nung. Tọa độ: X(m)=2303250; Y(m)=606044.
- + KT5: Khí thải tại ống phóng không của hệ thống xử lý bụi khu vực cắt, tinh chính số 1. Tọa độ: X(m)=2303230; Y(m)=606066.
- + KT6: Khí thải tại ống phóng không của hệ thống xử lý bụi khu vực cắt, tinh chính số 2. Tọa độ: X(m)=2303332; Y(m)=605878.

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



VIMCERTS 312

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Dương, Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3737499

Email: haiviet.hp88@gmail.com

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với : Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 với giá trị $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ trong đó $K_p = 0,8$ và $K_v = 0,6$).

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Không Minh Thanh

HAI VIET

- “-“: Không quy định
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT.522/28.03.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Thuận Hải Energy
- Địa chỉ : Tầng M, toà nhà Thuận Hải, lô Vb.20a2, đường 24, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
- Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Knauf Việt Nam – Khu đất CN 4.4A, KCN Đình Vũ thuộc KTT Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 20/03/2025
- Thời gian phân tích : 20/03/2025 đến ngày 28/03/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KT)	QCVN 19:2009/ BTNMT
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA method 2	35.548	-
2.	Nhiệt độ	°C	QT.HT.45	67	-
3.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA method 5	27	96
4.	CO	mg/Nm ³	QT.HT.45	73,34	480
5.	SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.45	62,88	240
6.	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.45	6,27	408

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KT: Khí thải tại ống khói lò hơi. Tọa độ: X(m)=2303191; Y(m)=606029.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với : Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 với giá trị $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ trong đó $K_p = 0,8$ và $K_v = 0,6$).

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Khổng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty